TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01-02-2023
V/v: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng
2. Ông Phạm Văn Vũ

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pxét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc "tranh chấp về ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Xuân N, sinh năm: 1994. Địa chỉ: số 162/2 ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm: 1990. Địa chỉ: số 15/3 ấp Q Đ B, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 05 năm 2022, bản khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Xuân N trình bày:

Vào năm 2013 chị và anh Trần Quốc H kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QĐ , huyện P, tỉnh Bến Tre, hôn nhân tự nguyên. Thời gian đầu cuộc sống hòa thuận, hạnh phúc, trong thời gian sống chung có hai người con tên Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/08/2013 và Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/02/2020. Sau này vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc H.

Về con chung: Chị và anh Trần Quốc Hcó 02 con chung là Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/08/2013 và Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/02/2020, con chung hiện

đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh Trần Quốc H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc Hđã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng anh Trần Quốc H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Xuân N và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Xuân N đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Trần Quốc H không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị: Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 BLTTDS; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Xuân N đối với anh Trần Quốc H; Về con chung: Chị Phạm Thị Xuân N được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/02/2020. Anh Trần Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Trần Quốc Hđăng ký hộ khẩu thường trú tại số 15/3 ấp QB, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Xuân N có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Trần Quốc Hđã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Phạm Thị Xuân Nvà anh Trần Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre chứng nhận ngày 25/01/2023. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Nhi cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, chị Nvà anh Hùng đã không còn sống chung và hiện không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Đối với anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nên có cơ xác định anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp. Do chị N không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Từ khi chị N và anh Hkhông còn sống chung cho đến nay chị Nlà người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/02/2020. Quá trình tố tụng không ghi nhận được ý kiến của anh H về việc nuôi con chung. Chị Ncó yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Xét thấy hiện nay hai con đang sống ổn định, được chị Nhi nuôi dưỡng, chăm sóc tốt nên để cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc các con sẽ tạo điều kiện tốt cho việc phát triển tâm, sinh lý bình thường của các con. Lẽ đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cháu Trần Phạm Ngọc H sinh ngày 14/8/2013 và cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/02/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do anh H không có lời trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con, chị Nhi trình bày không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Sau này chị Ncó yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có. Đối với anh H không có lời trình bày về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên không có cơ sở xem xét giải quyết. Chị Nvà anh Hđược quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Xuân N phải nộp án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 207, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 81, 82,

83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Xuân Nđối với anh Trần Quốc H . Chị Phạm Thị Xuân Nđược ly hôn với anh Trần Quốc H. Chị Phạm Thị Xuân N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Xuân Nđược trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/8/2013 và cháu Trần Phạm Ngọc H, sinh ngày 14/02/2020. Do chị Phạm Thị Xuân N không yêu cầu anh Trần Quốc H cấp dưỡng nuôi con nên anh Trần Quốc H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung . Sau này chị Phạm Thị Xuân Ncó yêu cầu anh Trần Quốc Hùng cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Xuân N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh Trần Quốc H không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết. Chị Phạm Thị Xuân Nvà anh Trần Quốc H được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Xuân N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007479 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã QĐ;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Cẩm Hồng **Phạm Văn Vũ** **Hồ Thị Triết**